

6. Huỳnh Nguyễn Phương Thảo, Huỳnh Nguyễn Phương Quang, Nguyễn Xuân Thảo, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Phan Thị Huyền Trân. Rối loạn giấc ngủ và một số yếu tố liên quan ở thai phụ ba tháng cuối thai kỳ tại Bệnh viện Phụ sản Thành phố Cần Thơ năm 2021. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2023. 45, 70-76, <https://tapchi.ctump.edu.vn/index.php/ctump/article/view/992>
7. Đinh Thị Thuân, Trần Quốc Hùng, Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thanh Tú. Kết quả điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản bằng bài thuốc bán hạ tả tâm thang. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*. 2024. 175(2), 109-117, <https://doi.org/10.52852/tcncyh.v175i2.2248>
8. Kusano M., Ino K., Yamada T., Kawamura O., Toki M., et al. Interobserver and intraobserver variation in endoscopic assessment of GERD using the "Los Angeles" classification. *Gastrointestinal endoscopy*. 1999. 49(6), 700–704, [https://doi.org/10.1016/s0016-5107\(99\)70285-3](https://doi.org/10.1016/s0016-5107(99)70285-3).
9. Phạm Thị Phương Thanh, Vũ Văn Khiêu. Đánh giá chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân trào ngược dạ dày-thực quản bằng bộ câu hỏi QOLRAD. *Tạp Chí Y học ViệtNam*. 2022. 518(1), 20-25, <https://doi.org/10.51298/vmj.v518i1.3308>.

DOI: 10.58490/ctump.2025i84.3288

SỨC KHỎE TÂM THẦN VÀ MỐI LIÊN QUAN VỚI HÀNH VI HÚT THUỐC LÁ, SỬ DỤNG ĐỒ UỐNG CÓ CỒN Ở SINH VIÊN TỈNH ĐỒNG THÁP

Võ Hiếu Nghĩa¹, Diệp Từ Mỹ^{2*}

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp

2. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

*Email: dtm@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/11/2024

Ngày phản biện: 15/02/2025

Ngày duyệt đăng: 25/02/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Vấn đề sức khỏe tâm thần ở người trẻ Việt Nam dao động từ 8 đến 29%. Hành vi hút thuốc lá và sử dụng đồ uống có cồn tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm thần đã được đề cập trong nhiều y văn. Sinh viên gặp nhiều áp lực trong cuộc sống và học tập, có thể tìm đến thuốc lá, rượu bia như một giải pháp ứng phó với các áp lực, nhưng cũng đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ sinh viên mắc phải stress, lo âu, trầm cảm và mối liên quan với hành vi hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn ở sinh viên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang ở 738 sinh viên tỉnh Đồng Tháp vào tháng 4/2023. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên gặp phải rối loạn stress, lo âu, trầm cảm lần lượt là 28,3%, 47,7% và 34,7%. Sinh viên sử dụng thuốc lá chiếm 4,7%. Sinh viên sử dụng đồ uống có cồn là 38,9%. Trạng thái stress có liên quan với hành vi sử dụng đồ uống có cồn của sinh viên (PR=1,49; KTC 95%: 1,16-1,93). Rối loạn lo âu có liên quan với hành vi hút thuốc lá (PR=1,47; KTC 95%: 1,15-1,88), sử dụng đồ uống có cồn (PR=1,28; KTC 95%: 1,07-1,53) của sinh viên. Trầm cảm ở sinh viên có liên quan với hành vi hút thuốc lá (PR=1,52; KTC 95%: 1,02-2,25), sử dụng đồ uống có cồn (PR=1,36; KTC 95%: 1,06-1,76). **Kết luận:** Hành vi hút thuốc lá có liên quan tình trạng lo âu, trầm cảm; hành vi sử dụng đồ uống có cồn có liên quan với các rối loạn stress, lo âu, trầm cảm ở sinh viên.

Từ khóa: Hút thuốc lá, thức uống có cồn, stress, lo âu, trầm cảm.

ABSTRACT

MENTAL HEALTH AND ASSOCIATION WITH SMOKING, ALCOHOL USE AMONG STUDENTS IN DONG THAP PROVINCE

Vo Hieu Nghia¹, Diep Tu My^{2*}

1. The Dong Thap Provincial Center for Disease Control

2. University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City

Background: Mental health problems among young Vietnamese range from 8 to 29 percent. Cigarette smoking and alcohol use negatively impact mental health and have been mentioned in medical literatures. Students face a lot of pressures in life and study; they can turn to using tobacco and alcohol as a solution to cope with pressure, but it also affects their mental health. **Objectives:** To determine the rate of students experiencing stress, anxiety, depression and its association with smoking and alcohol use among students. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study of 738 students in Dong Thap province by April 2023. **Results:** The proportion of students experiencing stress, anxiety, and depression disorders was 28.3%, 47.7%, and 34.7%, respectively. Students using tobacco accounted for 4.7%. Students using alcoholic beverages were 38.9%. Stress was associated with students' alcohol consumption behavior (PR=1.49; 95% CI: 1.16-1.93). Anxiety disorders associated with smoking behavior (PR=1.47; 95% CI: 1.15-1.88), alcohol consumption (PR=1.28; 95% CI: 1.07-1.53) of students. Depression in students was associated with smoking behavior (PR=1.52; 95% CI: 1.02-2.25), alcohol consumption (PR=1.36; 95% CI: 1.06-1.76). **Conclusions:** Smoking is associated with anxiety, depression; alcohol consumption behaviour was associated with stress, anxiety, and depression disorders in students.

Keywords: Smoking, alcoholic beverages, stress, anxiety, depression.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe tâm thần ở giới trẻ Việt Nam là một vấn đề đáng quan tâm. Kết quả nghiên cứu ở 9.120 sinh viên ở 08 trường đại học tại Hà Nội năm 2021, ghi nhận 21% sinh viên xuất hiện các triệu chứng lo âu, trầm cảm [1].

Hút thuốc lá và sử dụng đồ uống có cồn là hai hành vi phổ biến ở người trưởng thành Việt Nam, có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần. Năm 2018, một nghiên cứu tại Việt Nam trên 5.946 sinh viên của 5 trường đại học, tỷ lệ sử dụng thuốc lá ở nam và nữ sinh viên lần lượt là 19,2% và 2,9%, thấp hơn dân số chung, nhưng tỷ lệ sinh viên nam sử dụng thuốc lá vẫn chiếm tỷ lệ gần 1/5 [2]. Ngoài ra, việc tiêu thụ rượu bia ở thanh thiếu niên Việt Nam đang ở mức báo động và ngày càng gia tăng. Một nghiên cứu gần đây (2020) ở nhóm nam sinh viên, tỷ lệ sử dụng rượu bia lên đến 54,6% [3]. Các y văn đã đề cập đến mối quan hệ giữa hút thuốc lá, tiêu thụ đồ uống có cồn với các vấn đề sức khỏe tâm thần. Hút thuốc lá và trầm cảm/lo âu được xem là có mối quan hệ hai chiều. Trong cuộc sống, hành vi hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn bị lạm dụng nhằm giải tỏa cảm giác căng thẳng. Nhưng trên thực tế hành vi này lại làm trầm trọng các vấn đề sức khỏe tâm thần hơn theo thời gian.

Trong quá trình học tập, sinh viên phải đối mặt với nhiều áp lực trong học tập, cuộc sống và công việc. Áp lực có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần, làm giảm chất lượng cuộc sống và hiệu quả học tập. Sinh viên có thể tìm đến hút thuốc lá và sử dụng đồ uống có cồn để giải tỏa áp lực. Tuy nhiên, điều này lại gây ra những hậu quả tiêu cực cho sức khỏe tâm thần, tạo ra một vòng lặp hai chiều. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định tỷ lệ sinh viên mắc stress, lo âu, trầm cảm và mối liên quan với hành vi hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn ở sinh viên tỉnh Đồng Tháp năm 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên các trường Đại học Đồng Tháp, Cao đẳng Y tế Đồng Tháp, Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên từ đủ 18 tuổi trở lên, đồng ý tham gia nghiên cứu, đang theo học hệ cao đẳng, đại học chính quy và có quốc tịch Việt Nam.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** sinh viên muốn rút khỏi nghiên cứu giữa chừng trong quá trình thực hiện khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả.

- **Thời gian nghiên cứu:** Thu thập dữ liệu vào tháng 4/2023.

- **Cỡ mẫu:** Được tính với công thức ước lượng một tỷ lệ, nhân với hiệu ứng thiết kế do sử dụng kỹ thuật chọn mẫu cụm (chọn hiệu ứng bằng 2), đơn vị cụm là lớp. Để có cỡ mẫu lớn nhất, áp dụng $p = 0,51$ (tỷ lệ sinh viên trải qua stress với thang đo DASS-21 là 51% trong nghiên cứu của Lâm Văn Minh và cộng sự trên sinh viên khoa Y, Đại học Công Nghệ Đồng Nai năm 2023) [4], xác suất sai lầm loại I với $\alpha = 0,05$, sai số $d = 0,05$. Dự trừ 10% sinh viên dừng nghiên cứu giữa chừng, cỡ mẫu được tính: $n = n_{\text{ban đầu}} / (1 - \text{tỷ lệ dừng nghiên cứu giữa chừng})$. Do đó, cỡ mẫu nghiên cứu cần thiết là 853.

$$n \geq \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 p(1-p)}{d^2}$$

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu cụm với đơn vị cụm là lớp. Bước 1: xác định số sinh viên ở mỗi trường tham gia vào nghiên cứu tương ứng với tỷ lệ sinh viên ở trường đó trong tổng số sinh viên của 3 trường. Bước 2: xác định số lớp (cụm) ở mỗi trường tham gia vào nghiên cứu bằng cách lấy (số sinh viên tham gia vào nghiên cứu của trường đó) / (số sinh viên trung bình của một lớp). Bước 3: chọn ngẫu nhiên số lớp (cụm) cần thiết của mỗi trường theo danh sách của trường. Tất cả sinh viên của lớp (cụm) được chọn được mời tham gia vào nghiên cứu.

- **Nội dung nghiên cứu:**

Để xác định tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm ở sinh viên: nghiên cứu sử dụng thang đo stress, lo âu, trầm cảm (DASS-21) của Lovibond S.H và Lovibond P.F (1995). Với *stress*: là biến số nhị giá, gồm: Không và Có (khi điểm stress tính từ thang đo DASS-21 ≥ 15 điểm). *Lo âu*: là biến số nhị giá, gồm: Không và Có (khi điểm lo âu tính từ thang đo DASS-21 ≥ 08 điểm). *Trầm cảm*: là biến số nhị giá, gồm: Không và Có (khi điểm trầm cảm tính từ thang đo DASS-21 ≥ 10 điểm).

Biến số hành vi hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn

Hút thuốc lá: là tình trạng sinh viên hiện đang sử dụng các loại thuốc lá (điếu, điện tử) trong vòng 1 năm qua. Là biến số nhị giá với giá trị là có và không.

Sử dụng đồ uống có cồn: là tình trạng sinh viên sử dụng các loại đồ uống có cồn (rượu, bia, trái cây lên men) trong vòng 1 năm qua. Là biến số nhị giá với giá trị là có và không.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Bộ câu hỏi tự điền soạn sẵn.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Thống kê mô tả dùng để xác định tần số (n) và tỉ lệ phần trăm (%) sinh viên có sử dụng thuốc lá và đồ uống có cồn, tình trạng stress, lo âu, trầm cảm và các biến số độc lập định tính như giới tính, ngành học; sử dụng trung bình, độ lệch chuẩn đối với biến số tuổi. Thống kê phân tích dùng để lượng giá mối quan hệ giữa hành vi hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn và tình trạng mắc stress, lo âu, trầm cảm, giới tính, ngành

học ở sinh viên bằng số đo tỷ số tỷ lệ hiện mắc (PR). Trong phân tích tác động cụm, báo cáo khoảng tin cậy 95% của tỷ lệ đối với thống kê mô tả, báo cáo p-value và khoảng tin cậy 95% của số đo PR khi thực hiện thống kê phân tích. Phân tích bằng phần mềm stata 14.0.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được thông qua Hội đồng y đức theo quy trình rút gọn và đã được cấp giấy “Chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược TP.HCM” số 294/HĐĐĐ-HĐ ngày 09 tháng 03 năm 2023. Các vấn đề đạo đức tiềm ẩn của nghiên cứu này đã được xem xét như cung cấp biểu mẫu đồng ý tham gia nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Cỡ mẫu ước tính ban đầu là 853 sinh viên. Tổng số sinh viên từ 29 lớp được chọn là 869. Trong thời gian tiến hành thu thập thông tin, chúng tôi tiếp cận được 788 sinh viên có mặt và đồng ý tham gia nghiên cứu (90,7%). Sau khi loại bỏ 50 phiếu quan sát không trả lời đầy đủ, kết quả nghiên cứu trình bày với 738 quan sát, đạt 86,5% cỡ mẫu.

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu thuộc nhóm 19 đến 22 tuổi, chiếm 94,9%. Hơn một nửa (64,4%) sinh viên tham gia nghiên cứu là nữ. Hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu là dân tộc Kinh (99,5%). Gần một nửa sinh viên tham gia nghiên cứu đang theo học ngành sư phạm (47,0%). Sinh viên năm nhất chiếm tỷ lệ cao nhất với 38,8%.

Bảng 1. Đặc điểm chung của sinh viên tham gia nghiên cứu (n=738)

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	263	35,6
Nữ	475	64,4
Tuổi (TB ± ĐLC: 20,5 ± 1,7)		
19 – 22 tuổi	700	94,9
≥ 23 tuổi	38	5,1
Dân tộc: Kinh	734	99,5
Trình độ		
Đại học	516	69,9
Cao đẳng	222	30,1
Nhóm ngành		
Sư phạm	347	47,0
Kinh tế	158	21,4
Kỹ thuật	135	18,3
Sức khỏe	98	13,3
Năm học		
Năm nhất	286	38,8
Năm hai	196	26,6
Năm ba	156	21,1
Năm tư	100	13,5

TB: trung bình

ĐLC: độ lệch chuẩn

3.2. Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm và sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn ở sinh viên

Bảng 2. Tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm và sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn (n=738)

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ (%)
Stress	209	28,3
Lo âu	352	47,7
Trầm cảm	256	34,7
Hút thuốc lá	35	4,7
Sử dụng đồ uống có cồn	287	38,9

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên gặp phải rối loạn stress, lo âu, trầm cảm lần lượt là 28,3%, 47,7% và 34,7%. Trong tổng số sinh viên tham gia nghiên cứu, có 35 sinh viên có hút thuốc lá, chiếm 4,7% trên tổng số mẫu. Khi phân tích theo giới tính, tỷ lệ hút thuốc lá ở nhóm sinh viên nam là 10,3% (tương ứng với 27 sinh viên), trong khi ở nhóm sinh viên nữ, tỷ lệ này chỉ chiếm 1,7%. Bên cạnh đó, có 38,9% sinh viên báo cáo có sử dụng đồ uống có cồn. Khi xét riêng theo giới tính, tỷ lệ sử dụng đồ uống có cồn ở sinh viên nam là 44,5%, cao hơn so với nhóm sinh viên nữ là 35,8%.

3.3. Stress, lo âu, trầm cảm và các yếu tố liên quan ở sinh viên

Bảng 3. Mối liên quan giữa stress, lo âu và các đặc điểm ở sinh viên (n = 738)

Đặc điểm	Cỡ mẫu (n)	Stress			Lo âu		
		Có n (%)	p	PR (KTC 95%)	Có n (%)	p	PR (KTC 95%)
Hút thuốc lá							
Có	35	14 (40,0)	0,256	1,44 (0,76-2,75)	24 (68,6)	0,004	1,47 (1,15-1,88)
Không	694	195 (27,7)		1	328 (46,7)		1
Đồ uống có cồn							
Có	287	102 (35,5)	0,003	1,49 (1,16-1,93)	158 (55,1)	0,008	1,28 (1,07-1,53)
Không	451	107 (23,7)		1	194 (43,0)		1
Giới tính							
Nữ	475	141 (29,7)	0,314	1,15 (0,87-1,51)	235 (49,5)	0,208	1,11 (0,94-1,32)
Nam	263	68 (25,9)		1	117 (44,5)		1
Ngành học							
Sức khỏe	98	15 (15,3)	-	1	38 (38,8)	-	1
Sư phạm	347	122 (35,2)	< 0,001	2,29 (1,49-3,52)	189 (54,5)	0,007	1,40 (1,11-1,78)
Kinh tế	158	42 (26,6)	0,045	1,74 (1,01-2,97)	70 (44,3)	0,402	1,14 (0,83-1,58)
Kỹ thuật	135	30 (22,2)	0,170	1,45 (0,84-2,49)	55 (40,7)	0,744	1,05 (0,77-1,43)

Nhận xét: Sinh viên sử dụng đồ uống có cồn, có tỷ lệ mắc stress cao gấp 1,49 lần sinh viên không sử dụng. Có mối liên quan giữa stress và ngành học; cụ thể là so với sinh viên nhóm ngành sức khỏe, tỷ lệ mắc stress của sinh viên ngành sư phạm và kinh tế cao hơn lần lượt là 2,29 lần và 1,74 lần. Chưa tìm thấy mối liên quan giữa stress với hành vi hút thuốc lá và giới tính của sinh viên. Tỷ lệ lo âu ở nhóm sinh viên sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn cao hơn nhóm sinh viên không sử dụng, lần lượt là 1,47 lần và 1,28 lần. Sinh viên nhóm ngành sư phạm có tỷ lệ lo âu cao gấp 1,40 lần sinh viên nhóm ngành sức khỏe. Chưa tìm thấy mối liên quan giữa tình trạng lo âu với giới tính của sinh viên.

Bảng 4. Mối liên quan giữa trầm cảm và các đặc điểm ở sinh viên (n = 738)

Đặc điểm	Cỡ mẫu (n)	Trầm cảm		
		Có n (%)	p	PR (KTC 95%)
Hút thuốc lá				
Có	35	18 (51,4)	0,039	1,52 (1,02-2,25)
Không	694	238 (33,8)		1
Đồ uống có cồn				
Có	287	119 (41,5)	0,018	1,36 (1,06-1,76)
Không	451	137 (30,4)		1
Giới tính				
Nữ	475	168 (35,4)	0,633	1,06 (0,84-1,34)
Nam	263	88 (33,5)		1
Ngành học				
Sức khỏe	98	21 (21,4)	-	1
Sư phạm	347	139 (40,1)	0,063	1,87 (0,97-3,62)
Kinh tế	158	54 (34,2)	0,182	1,59 (0,79-3,21)
Kỹ thuật	135	42 (31,1)	0,279	1,45 (0,73-2,89)

Nhận xét: Nhóm sinh viên sử dụng thuốc lá và đồ uống có cồn, có tỷ lệ trầm cảm cao hơn sinh viên không sử dụng các chất này, lần lượt là 1,52 lần và 1,36 lần. Chưa tìm thấy mối liên quan giữa trầm cảm với giới tính và ngành học của sinh viên.

IV. BÀN LUẬN

Từ danh sách các lớp của 03 trường tham gia nghiên cứu, phân bố mẫu nghiên cứu của chúng tôi là tương đồng với quần thể nghiên cứu về tỷ lệ sinh viên của các trường và trình độ sinh viên.

4.1. Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm ở sinh viên

So sánh với các nghiên cứu khác cùng sử dụng thang đo DASS-21, tỷ lệ sinh viên có rối loạn stress trong nghiên cứu của chúng tôi là 28,3%, thấp hơn so với nghiên cứu ở 149 sinh viên khoa Y - Đại học Công Nghệ Đồng Nai năm 2023, với đặc thù khối lượng học tập lớn (tỷ lệ stress là 51%), sự khác biệt giữa hai nghiên cứu là có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$) [4]. Sinh viên trong nghiên cứu này gặp phải lo âu là 47,7%, thấp hơn so với nghiên cứu 1.788 ở sinh viên Đại học Ngoại ngữ năm 2021 là 65,0%, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$) [5]. Trầm cảm ở sinh viên tỉnh Đồng Tháp là 34,7%, thấp hơn rất nhiều so với các nghiên cứu ở 345 sinh viên y khoa năm thứ nhất tại Hà Nội năm học 2020-2021, với tỷ lệ 52,8%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$) [6].

Tại Việt Nam, nghiên cứu này có tỷ lệ sinh viên mắc stress, lo âu, trầm cảm thấp hơn các nghiên cứu khác sử dụng cùng thang đo DASS-21. Đặc điểm của sinh viên từ các nghiên cứu khác có trình độ đại học các ngành y khoa, ngoại ngữ hay khoa học – công nghệ với nhiều áp lực học tập, sống ở các đô thị lớn và thời điểm khảo sát vào năm 2021 – đại dịch COVID-19 có thể lý giải cho sự khác biệt này. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên tỉnh Đồng Tháp năm 2023 gặp phải rối loạn stress, lo âu, trầm cảm cao hơn kết quả từ nghiên cứu tổng quan hệ thống tại 06 quốc gia ASEAN giai đoạn 2010-2020, với tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm lần lượt là 16,4%, 42,4% và 29,4% [7].

4.2. Hành vi hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn ở sinh viên

Từ nghiên cứu của chúng tôi, sinh viên hút thuốc lá chiếm 4,7%. Tỷ lệ này ở nhóm sinh viên nam và nữ lần lượt là 10,3% và 1,7%. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu tại 5 trường đại học vào năm 2018 ở 5.946 sinh viên, có 19,2% trong 1.809 sinh viên nam (khác biệt có ý nghĩa thống kê, $p < 0,001$) và 2,9% trong 3.910 sinh viên nữ sử dụng thuốc lá (khác biệt không có ý nghĩa thống kê, $p = 0,1063$) [2]. Hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên Đồng Tháp chiếm 38,9% ở cả hai giới, cụ thể với 44,5% nam và 35,8% nữ. Thấp hơn nghiên cứu năm 2022 ở 280 nam sinh viên Đại Học Y Dược, Đại Học Quốc Gia Hà Nội với 54,6%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,0180$) [3]. Hai hành vi nguy cơ này ở sinh viên Đồng Tháp là thấp hơn dân số chung và các nghiên cứu khác trên đối tượng sinh viên. Điều này phần nào phản ánh hiệu quả tích cực của các quy định về phòng chống tác hại thuốc lá và rượu bia trong thay đổi hành vi ở sinh viên tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh đó, sự khác biệt giữa các nghiên cứu là do thời điểm khảo sát và đặc điểm ngành học của sinh viên là khác nhau.

4.3. Stress, lo âu, trầm cảm và mối liên quan với hành vi hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn ở sinh viên

Chúng tôi ghi nhận mối liên quan giữa hành vi hút thuốc lá với tình trạng lo âu và trầm cảm; mối liên quan giữa sử dụng đồ uống có cồn và cả 03 trạng thái stress, lo âu, trầm cảm ở sinh viên. Phát hiện trong nghiên cứu của chúng tôi có một số nét tương đồng với nghiên cứu của Ramón-Arbués (2020) ở 1.074 sinh viên tại Malaysia, tìm thấy mối liên quan giữa hành vi hút thuốc lá với các trạng thái rối loạn stress, lo âu, trầm cảm; và mối liên quan giữa hành vi sử dụng đồ uống có cồn với các trạng thái rối loạn stress, lo âu [8]. Kết quả này, một lần nữa khẳng định rằng các hành vi hút thuốc lá, tiêu thụ đồ uống có cồn có mối liên quan và tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm thần của sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ chung ở sinh viên Đồng Tháp có rối loạn stress, lo âu, trầm cảm là thấp hơn so với sinh viên trong các nghiên cứu trước. Hành vi hút thuốc lá có liên quan tình trạng lo âu, trầm cảm; hành vi sử dụng đồ uống có cồn có liên quan với các rối loạn stress, lo âu, trầm cảm ở sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nam Phan Tien, Tung Phan Thanh, Dung Nguyen Hanh, An Duong Hoang, Anh Bui Dang The, Giang Kim Bao, et al. Utilization of mental health services among university students in Vietnam. *International Journal of Mental Health*. 2021. 50 (2), 113-135, doi: 10.1080/00207411.2020.1816114.
2. P. Tien Nam, P. Thanh Tung, N. Hanh Dung, D. Hoang An, B. Dang The Anh, Q. Bich Diep, et al. Prevalence of smoking among health science students in Vietnam in 2018 and associated factors: A cross-sectional study. *Health Psychol Open*. 2020. 7 (2), 1-13, doi: 10.1177/2055102920967244.
3. Nguyễn Thành Trung, Vũ Ngọc Hà, Mạc Đăng Tuấn, Nguyễn Trà My, Nguyễn Quang Tâm, Phạm Hồng Hà. Tỷ lệ sử dụng rượu bia của nam sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2022 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 529 (1B), 253-258, doi: 10.51298/vmj.v529i1B.6389.
4. Lâm Văn Minh, Tạ Thị Thanh Mơ, Nguyễn Thị Mỹ Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Phương. Thực trạng stress của sinh viên khoa y tại trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai năm 2023. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 527 (1B), 87-91, doi: 10.51298/vmj.v527i1B.5746.

5. N. T. Thang, D. T. D. Linh, T. N. Anh, N. T. Phuong, N. D. Giang, N. X. Long, et al. Severe Symptoms of Mental Disorders Among Students Majoring in Foreign Languages in Vietnam: A Cross-Sectional Study. *Front Public Health*. 2022. 10 1-9, doi: 10.3389/fpubh.2022.855607.
6. Lê Thị Vũ Huyền. Trầm cảm theo thang DASS-21 ở sinh viên hệ bác sĩ y khoa năm thứ nhất Trường Đại Học Y Hà Nội năm học 2020-2021 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2022. 509 (2), 149-153, doi: 10.51298/vmj.v509i2.1814.
7. A. S. Dessauvagie, H. M. Dang, T. A. T. Nguyen, G. Groen. Mental Health of University Students in Southeastern Asia: A Systematic Review. *Asia Pac J Public Health*. 2022. 34 (2-3), 172-181, doi: 10.1177/10105395211055545.
8. E. Ramon-Arbues, V. Gea-Caballero, J. M. Granada-Lopez, R. Juarez-Vela, B. Pellicer-Garcia, I. Anton-Solanas. The Prevalence of Depression, Anxiety and Stress and Their Associated Factors in College Students. *Int J Environ Res Public Health*. 2020. 17 (19), 1-15, doi: 10.3390/ijerph17197001.

DOI: 10.58490/ctump.2025i84.3058

KHẢO SÁT ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG VÀ NỒNG ĐỘ IGE HUYẾT THANH TRÊN BỆNH NHÂN VIÊM DA CƠ ĐỊA TẠI BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2021-2022

Trần Phước Tài*, Lê Thành Phương Thư, Huỳnh Trường Thịnh,

Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: nthithuytrang@gmail.com

Ngày nhận bài: 05/9/2024

Ngày phản biện: 22/02/2025

Ngày duyệt đăng: 25/02/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Viêm da cơ địa là bệnh da mạn tính hay tái phát, gặp ở mọi lứa tuổi. Các rối loạn miễn dịch cụ thể vai trò của IgE liên quan đến nguy cơ dị ứng ở người bệnh. Xác định chính xác từng dị nguyên có ý nghĩa trong việc điều trị và phòng ngừa tái phát. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng và mô tả đặc điểm nồng độ IgE huyết thanh toàn phần và đặc hiệu trên bệnh nhân viêm da cơ địa tại bệnh viện Da Liễu thành phố Cần Thơ năm 2021-2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang trên 30 bệnh nhân viêm da cơ địa đến khám và điều trị tại Bệnh Viện da Liễu thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** Bệnh nhân ở nhóm tuổi <12 chiếm tỷ lệ cao nhất (46,7%). Triệu chứng lâm sàng bắt buộc: tỷ lệ ngứa và sang thương chàm chiếm 100%, hình thái điển hình và dạng chàm phù hợp với tuổi (86,7%), tiền sử bệnh mạn tính/tái phát (73,3%). Triệu chứng quan trọng hỗ trợ chẩn đoán: khô da chiếm (73,3%). Triệu chứng gợi ý hỗ trợ chẩn đoán: tỷ lệ thay đổi quanh mắt (36,7%). Nồng độ IgE toàn phần là $206,76 \pm 119,98 \text{ IU/mL}$. Trong các dị nguyên hô hấp mặt nhà *D. farinae* chiếm tỷ lệ cao nhất (43,3%). Dị nguyên thực phẩm hạt cacao và cua chiếm tỷ lệ cao (16,7%). **Kết luận:** Ngứa và sang thương chàm chiếm tỷ lệ 100% trên bệnh viêm da cơ địa, mặt nhà ở dị nguyên hô hấp, hạt ca cao và cua ở dị nguyên thực phẩm là phổ biến nhất. Trong viêm da cơ địa nồng độ IgE huyết thanh toàn phần và đặc hiệu tăng cao. Qua đó cho thấy lâm sàng và nồng độ IgE huyết thanh toàn phần và đặc hiệu rất có giá trị trong việc chẩn đoán và dự phòng bệnh viêm da cơ địa.

Từ khóa: Viêm da cơ địa, IgE huyết thanh toàn phần, IgE huyết thanh đặc hiệu.